TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 02-02-2024
V/v: "*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Quang

2.Ông Nguyễn Phú Thạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chinh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự :

1 Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng Y, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1954(có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận
Theo văn bản ủy quyền tháng 10/2023
2 Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận
- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận
Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ý kiến nguyên đơn*: Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2023 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền C nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày;*

Nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 59/2021/QĐST-NHGĐ ngày 26/3/2021 C Tòa án nhân dân thị xã L tỉnh Bình Thuận. Trong quyết định ly hôn phần tài sản chung chưa được giải quyết.

Về nguồn gốc tài sản, thửa đất số 20a, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 cũng như căn nhà ở trên đất như sau: Năm 1999 nguyên đơn và bị đơn lấy nhau, sau khi lấy nhau đến năm 2000 vợ chồng nguyên đơn sang nhượng lại thửa đất C ông Lương Đức Lợi 10 chỉ vàng 24k, ông Lợi cho lại ½ chỉ, năm 2002 thì vợ chồng làm nhà ở cho đến hiện nay, số vàng mua đất là tài sản chung C vợ chồng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia ½ giá trị bằng tiền cả nhà và đất, ngược lại nếu ông Nh muốn lấy tiền thì nguyên đơn sẽ thối lại tiền cho ông Nh theo tỷ lệ ½ và nguyên đơn lấy nhà và đất.

-Ý kiến bị đơn do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông thừa nhận bị đơn và nguyên đơn là vợ chồng đã ly hôn. Về tài sản chung hiện nay nguyên đơn yêu cầu chia ½ bị đơn không đồng ý chấp nhận bởi; năm 2000 vợ chồng bị đơn sang nhượng lại thửa đất C ông Lương Đức Lợi 10 chỉ vàng 24k, ông Lợi cho lại ½ chỉ. Năm 2002 thì vợ chồng làm nhà ở cho đến hiện nay, số vàng mua đất và tiền làm nhà là C mẹ bị đơn cho, không liên quan gì đến nguyên đơn.

Năm 2021, nguyên đơn làm đơn ly hôn với bị đơn xuất phát từ nguyên nhân nguyên đơn có hành vi ngoại tình và đã có con với người đàn ông khác dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Cụ thể trong thời gian chung sống, do bị đơn mãi làm việc ở ngoài biển, nguyên đơn ở nhà và có quan hệ với người đàn ông khác và có một người con tên Nguyễn Lê Thiên Phúc. Ban đầu bị đơn không nghi ngờ gì về người con nên bỏ công sức, C cãi chăm sóc, nuôi dưỡng. Cho dù bị đơn có đối xử tử tế với con nhưng do nguyên đơn có người khác nên nguyên đơn cũng không vừa lòng nên làm đơn ly hôn với bị đơn. Sau khi ly hôn, bị đơn có đưa con Nguyễn Lê Thiên Phúc đi giám định ADN thì xác định chính xác, cháu Phúc không phải là con bị đơn như lời thừa nhận C nguyên đơn. Bị đơn thấy nguyên đơn đã phản bội bị đơn rồi ly hôn, bị đơn xác định lỗi dẫn đến ly hôn là do nguyên đơn. Nếu như cháu Phúc là con bị đơn thì bị đơn không lấy gì cả, nhưng thực tế không phải là con C bị đơn. Tài sản trên là do tự bản tay bị đơn làm nên, nguyên đơn không có đóng góp gì trong khối tài sản chung. Ngoài ra nguyên đơn còn lừa gạt bị đơn để có con với người khác, buộc bị đơn phải nuôi con C người khác 8 năm do đó nên bị đơn không đồng ý chia tài sản.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 20/6/2023 thì đất có giá là 5.000.000 đồng/m^2. Tại bản sơ đồ hiện trạng thửa đất được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã L duyệt ngày 23/6/2023, thì diện tích đất là 138,0m^2.

Nhà giá 2.088.000 đồng/m^2 x 55,8m^2 = 116.510.400 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến; Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Với đương sự thì đã chấp hành đúng các quy định C pháp luật do đó Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Tại trang 3 Giấy CNQSD Đất số AK 611774 thể hiện, ngày 26/5/2020 đã thế chấp cho Ngân hàng nông ngiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh L. Các tài liệu có tại hồ sơ chưa thể hiện đã xóa thế chấp hay chưa nên Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung.

NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã L nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn", đối tượng tranh chấp và bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị xã L nên thuộc thẩm quyền giải quyết C Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:* Nguyên đơn yêu cầu chia 50% tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 20a, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 và căn nhà trên đất.

Bị đơn cho rằng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 20a, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 và căn nhà trên đất là tài sản riêng C bị đơn. Ngoài ra nguyên đơn là người đã phản bội bị đơn trong cuộc sống hôn nhân đã có con với người khác nên không đồng ý chia tài sản.

[3] *Xét nguồn gốc tài sản và yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn*: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất, hai bên chung sống với nhau từ năm 1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 đứng tên Nguyễn Văn Nh- Lê Thị Hoàng Y. Các bên cũng thống nhất thừa nhận, thửa đất nêu trên là do nguyên đơn và bị đơn mua lại C ông Lương Đức Lợi 9,5 chỉ vàng vào năm 2000, đến năm 2022 thì làm nhà cấp 4 ở cho đến hiện nay. Bị đơn cho rằng , tiền mua đất và cất nhà là tiền do phía gia đình bị đơn cho nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh là tài sản riêng C bị đơn nên Hội đồng xác định, nhà và đất hiện nguyên đơn yêu cầu chia là tài sản chung C nguyên đơn và bị đơn có trong thời kỳ hôn nhân.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu chia tài ½ sản chung C vợ chồng là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên tại phiên Tòa bị đơn đã đề nghị Tòa án làm rỏ lỗi C nguyên đơn trong vi phạm quyền và nghĩa vụ C vợ chồng dẫn đến ly hôn để giải quyết chia tài sản. Xét đề nghị trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn ly hôn vào

ngày 26/3/2021, trước thời điểm ly hôn, trong thời gian chung sống, nguyên đơn đã tự ý có con với người khác. Nguyên đơn cũng thừa nhận, người con tên Nguyễn Lê Thiên Phúc là con riêng C nguyên đơn do nguyên đơn tự đi cấy mà có và cũng chính vì sự việc này làm cho vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Việc nguyên đơn tự ý có con với người khác không được sự đồng ý C chồng là vi phạm "Tình nghiã vợ chồng" theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và Gia đình quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, *chung thủy*, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ " ***chung thủy***" C vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần xem xét chia cho bị đơn một phần tài sản nhiều hơn nguyên đơn; chia cho nguyên đơn 1/3, cho bị đơn 2/3. Theo biên bản định giá tài sản ngày 20/6/2023 thì đất có giá là 5.000.000 đồng/m^2 x 138,0m^2 = 690.000.000 đồng.

Nhà giá 2.088.000 đồng/m^2 x 55,8m^2 = 116.510.400 đồng.

Tổng đất + nhà là 690.000.000 đồng + 116.510.400 đồng = 806.510.000 đồng : 3 = 268.836.666 đồng; chia cho nguyên đơn một phần giá trị là 268.836.666 đồng, chia cho bị đơn hai phần giá trị là 537.673.333 đồng.

[5] Về quan điểm C Viện kiểm sát cho rằng, tại trang 3 Giấy CNQSD Đất số AK 611774 thể hiện, ngày 26/5/2020 đã thế chấp cho Ngân hàng nông ngiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh L. Các tài liệu có tại hồ sơ chưa thể hiện đã xóa thế chấp hay chưa. Xét thấy tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất, khi vợ chồng chưa ly hôn có thế chấp quyền dụng đất cho ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay các đương sự đã tất toán nợ cho Ngân hàng và đã lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông Nguyễn Văn Nh quản lý, do đó Hội đồng xét xử không nhất thiết phải đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng.

[6] *Về án phí*: các đương sự phải chịu án phi theo quy định .

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 , khoản 2 Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung C bà Lê Thị Hoàng Y.

- Chia cho bà Lê Thị Hoàng Y 1/3 giá trị nhà và đất tại thửa đất số 20a, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 đứng tên Nguyễn Văn Nh – Lê Thị Hoàng Y, tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 268.836.666 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Chia cho ông Nguyễn Văn Nh 2/3 giá trị nhà và đất tại thửa đất số 20a, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 đứng tên Nguyễn Văn Nh – Lê Thị Hoàng Y, tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Tân, thị xã L,tỉnh Bình Thuận có giá trị là 537.673.333 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng)

Giao cho ông Nguyễn Văn Nh được toàn quyền sử dụng thửa đất số 20a, tờ bản đồ số 7, giấy chứng nhận quyền sử dụng số AK 611774 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29/11/2007 đứng tên Nguyễn Văn Nh – Lê Thị Hoàng Y và sở hữu toàn bộ căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên. Buộc ông Nguyễn Văn Nh phải thanh toán cho bà Lê Thị Hoàng Y số tiền là 268.836.666 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

4. Về án phí:

- Bà Lê Thị Hoàng Y phải chịu 13.441.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tài sản được chia, được khấu trừ 12.000.000 đồng tạm ứng án phí bà Lê Thị Hoàng Y đã nộp tại biên lai thu số 0013226 ngày 13/4/2023 C Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 26.883.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tài sản được chia

5. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Hoàng Y tự nguyện chịu 4.000.000 đồng (đã nộp đủ).

Các đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bình Thuận;
VKSND thị xã L;
Chi cục THADS thị xã L;
Đương sự;
Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Liễu